

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2025/HS-ST**
Ngày: 06-6-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Đinh Ngọc Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2025/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 04/5/1995 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT: khu phố 1, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở: ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

CCCD số: 075195006421

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn : 12/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nữ

Tôn giáo : Phật giáo Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Nguyễn Ngọc S và bà Lê Thị Tuyết P.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Chồng: Không đăng ký kết hôn; có 02 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị giam giữ từ ngày 21/11/2024. (Có mặt)

2. Châu Trần Anh P1, sinh ngày 28/3/1994 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT: ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở: ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

CCCD số: 075094007501

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 9/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Phật Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Châu Vĩnh L và bà Trần Thị Đ.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể:

- Ngày 13/6/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 246/2024/HSPT. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2024 và chưa đóng án phí.

Nhân thân:

- Ngày 11/4/2017, bị TAND huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2017/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2017 và đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/8/2017.

Tiền sự: Không

Bị giam giữ từ ngày 21/11/2024. (Có mặt)

* *Người làm chứng:* Ông Mai Tất T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết N và Châu Trần Anh P1 là người sử dụng ma túy, có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng tại ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/11/2024, N nói P1 sử dụng xe mô tô biển số 60H2- 1812 chở đến Cầu B thuộc xã S, huyện T để mua ma túy về sử dụng thì P1 đồng ý. Khi đến địa điểm trên thì cả hai nhìn thấy đối tượng tên S1 (không rõ tên thật, địa chỉ) đang đứng bên đường, lúc này N nói P1 dừng xe đứng đợi, N đi bộ đến gặp S1 hỏi mua 01 gói ma túy giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, N cầm trên tay rồi đi lại nói P1 chở về nhà để cùng sử dụng. Khi cả hai đi đến đoạn đường thuộc khu A, ấp H, xã Đ thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, N và P1 khai nhận đã cùng nhau sử dụng ma túy chung nhiều lần tại nhà của N, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 11/2024, N đi xe ôm đến khu vực Cầu B, gặp S1 để mua 200.000 đồng ma túy, sau đó đưa về nhà tại ấp A, xã S, huyện T, lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của N rồi rủ P1 cùng sử dụng.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 19 giờ, ngày 18/11/2024, N tiếp tục đi xe ôm đến khu vực Cầu B mua của S1 01 gói ma túy giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì đưa về nhà tại ấp A, xã S, huyện T rồi lấy bộ dụng cụ sử dụng của N và rủ P1 cùng sử dụng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 20/11/2024, N nói P1 chở đi mua ma túy về sử dụng chung, P1 đồng ý và sử dụng xe mô tô biển số 60H2-1812 chở N đến Cầu B gặp S1 mua 01 gói ma túy với số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì N nói P1 chở về nhà để sử dụng. Khi về đến nhà do bộ dụng cụ sử dụng ma túy của N đã bị bể nên P1 đã lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của P1 trong cốp xe, N đổ ma túy vào nỏ thủy tinh, P1 dùng quét ga hơi nóng nỏ thủy tinh rồi N và P1 thay phiên nhau sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 2421/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: *Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1163 gam, loại Methamphetamine; Mẫu chất màu trắng đục bám trong nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vết không xác định được khối lượng.*

Ngày 29/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Tuyết N và Châu Trần Anh P1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 147/CT-VKS-TB ngày 15/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Châu Trần Anh P1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo N chấp hành từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Châu Trần Anh P1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo P1 chấp hành từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì niêm phong sau giám định số 2421/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng K, Công an tỉnh Đ; 01 nắp nhựa màu đỏ được đục hai lỗ tròn; 01 ống hút màu đỏ; 03 quẹt gas là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, kèm sim thu giữ của bị cáo P1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y97, màu tím hồng, kèm sim thu giữ của bị cáo N đều không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả cho các bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 60H2-1812, số máy HC09E-6686225, số khung LHHC0908Y866571 thu giữ của bị cáo P1. P1 khai nhận, năm 2024 mua của người thanh niên (không rõ họ tên) ở khu vực huyện T, không làm giấy tờ mua bán. Qua tra cứu biển số 60H2- 1812 là của xe mô tô hiệu Dream DH88, số máy HA05E0012029, số khung RLHHA0605WY012033 (khác với xe mô tô thu giữ), do ông Lương Văn Đ1 đăng ký. Hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác minh làm việc được với chủ sở hữu nên tiếp tục xác minh làm rõ và đề xuất xử lý sau.

- Đối với bộ dụng cụ sử dụng ma túy của N sau khi bị bắt thì bị cáo đã vứt bỏ, không truy tìm được nên không đề nghị xử lý.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N và Châu Trần Anh P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo N không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Trong khi đó, lời khai của bị cáo tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của bị cáo P1, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất tại Cơ quan điều tra. Hơn nữa bị cáo còn thừa nhận giữa bị cáo và bị cáo P1 không có mâu thuẫn gì với nhau, quá trình điều tra bị cáo không bị bức cung hay dùng nhục hình nên lời khai tại phiên tòa không có căn cứ chấp nhận.

Trên cơ sở đó đã có đủ căn cứ chứng minh: Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 21/11/2024, tại đoạn đường thuộc khu A, ấp H, xã Đ, huyện T, Công an tiến hành kiểm tra người có biểu hiện nghi vấn và phương tiện giao thông thì phát hiện N ném xuống đất 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy trong cốp xe mô tô biển số 60H2-1812 của bị cáo P1 điều khiển chở N đi mua ma túy của đối tượng tên S1 (không rõ nhân thân lai lịch) ở Cầu B, thuộc xã S, huyện T, với giá 200.000 đồng, để sử dụng. Ngoài ra trước đó, vào khoảng đầu tháng 11/2024 và ngày 18/11/2024, bị cáo N rủ bị cáo P1 cùng sử dụng ma túy tại nhà N ở ấp A, xã S, huyện T. Bị cáo N đã lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của mình, bỏ ma túy đã mua trước đó ra sử dụng cùng bị cáo P1 (P1 không góp tiền mua ma túy nhưng được sử dụng chung). Ngày 20/11/2024, bị cáo N và P1 tiếp tục tổ chức sử dụng ma túy, bị cáo N cung cấp ma túy và địa điểm (sử dụng tại nhà mình), bị cáo P1 cung cấp bộ dụng cụ của mình để cả hai cùng sử dụng ma túy. Theo Kết luận giám định thể hiện: *Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1163 gam, loại Methamphetamine; Mẫu chất màu trắng đục bám trong nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vệt không xác định được khối lượng.* Do đó, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N và Châu Trần Anh P1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Châu Trần Anh P1 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước, trực tiếp là hoạt động tàng trữ trái phép chất ma túy và quy định về nghiêm cấm các hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe thể chất và tinh thần con người, gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội nhưng vì mục đích có ma túy để sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P1 có nhân thân rất xấu, đã 02 lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà vẫn tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P1 phạm tội khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 246/2024/HSPT ngày 13/6/2024 của TAND tỉnh Đồng Nai nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần có mức hình phạt phù hợp, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng phạt, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hai bị cáo có vai trò ngang nhau nên quyết định hình phạt bằng nhau. Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo N là người trực tiếp bỏ tiền đi mua ma túy và sử dụng địa điểm nhà của mình để tổ chức sử dụng ma túy 03 lần, bị cáo P1 tham gia với vai trò đồng phạm 01 lần khi cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên cần có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo thực hiện.

[5] Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo N còn quanh co, chối tội, không có thái độ ăn năn, hối cải nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng bị cáo P1 phạm tội khi chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 542 BLHS.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 phong bì niêm phong sau giám định (bên trong có số ma túy còn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh) số 2421/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng K, Công an tỉnh Đ; 01 nắp nhựa màu đỏ được đục hai lỗ tròn; 01 ống hút màu đỏ; 03 quẹt gas là vật chứng cấm tàng trữ và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

[6.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, kèm sim thu giữ của bị cáo P1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y97, màu tím hồng, kèm sim thu giữ của bị cáo N đều không sử dụng vào việc phạm tội nên trả cho các bị cáo ngay tại phiên tòa.

[6.3] Đối với 01 xe mô tô biển số 60H2-1812, số máy HC09E-6686225, số khung LHHC0908Y866571 thu giữ của bị cáo P1, Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm rõ nên tách ra xử lý sau là phù hợp.

[6.4] Đối với bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo N, do bị cáo N đã vứt bỏ, không truy tìm, thu hồi được nên không xử lý.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng tên S1 là người đã nhiều lần bán ma túy cho bị cáo N tại khu vực Cầu B, xã S, huyện T, không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N **01 (một) năm tù** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2024.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Châu Trần Anh P1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Châu Trần Anh P1 **01 (một) năm tù** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo P1 chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2024.

3. Căn cứ điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh được đựng trong 01 phong bì đóng dấu niêm phong sau giám định số 2421/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ và 01 nắp nhựa màu đỏ được đục hai lỗ tròn; 01 ống hút màu đỏ; 03 quẹt gas. *(Tất cả vật chứng trên được giao nhận theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).*

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, kèm sim cho bị cáo Châu Trần Anh P1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y97, màu tím hồng, kèm sim cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N ngay sau khi tuyên án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N và Châu Trần Anh P1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- UBND và CA xã nơi b/c cư trú;
- TAND t. Đồng Nai;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV06-CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam B5-CA t.Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam KV h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung

